HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC THỂ CHẤT KHÓA CQ54

TT	Họ và tên	Tên lớp	Giáo dục thể chất 1 (1 tc)	Giáo dục thể chất 2 (1 tc)	Giáo dục thể chất 3 (1 tc)	Giáo dục thể chất 4 (TDDC) (1 tc)	Giáo dục thể chất 5 (Bơi lội) (1 tc)	Điểm TB thang 10	Điểm TB thang 4
1	Trương Công Mạnh	CQ54/01.02	5.6		0.6		6.6	4.3	1.0
2	Nguyễn Thị Liên	CQ54/01.03	6.0	5.0	4.1		6.0	5.3	1.5
3	Nguyễn Ngọc Anh	CQ54/01.04	6.0	5.0	0.0		0.0	2.8	0.0
4	Dương Nhật Nam	CQ54/01.04	7.4	0.0	6.0		4.9	4.6	1.0
5	Nông Thị Ngọc Anh	CQ54/02.01	4.2	5.6	4.9		2.4	4.3	1.0
6	Nguyễn Thị Thủy Ngân	CQ54/02.02	4.2	7.4			0.0	3.9	0.0
7	Hà Thúy Hằng	CQ54/02.03	7.8	0.0	0.0		6.8	3.6	0.0
8	Dương Thị Vân	CQ54/03.01	6.3	5.0	4.9	4.3		5.1	1.5
9	Nguyễn Trần Ngọc Diệp	CQ54/03.02	6.0	0.0	1.8	5.9		3.4	0.0
10	Nguyễn Thu Thương	CQ54/03.02	4.6	5.6	0.0	7.7		4.5	1.0
11	Hoàng Vĩnh Huy	CQ54/05.03	5.7	5.2	8.3		0.0	4.8	1.5
12	Vũ Tiến Thắng	CQ54/05.03	6.5	5.5	6.8		0.0	4.7	1.0
13	Hoàng Thị Thùy Dương	CQ54/05.04	6.7	4.9	5.2		2.4	4.8	1.5
14	Phan Thị Luyến	CQ54/05.05	4.5	5.6	5.2		5.6	5.2	1.5
15	Nguyễn Hoàng Anh	CQ54/05.06	5.2	6.0	5.2		1.5	4.5	1.0
16	Nguyễn Việt Thắng	CQ54/08.01	4.0	0.0	6.0	4.4		3.6	0.0
17	Lê Thị Thu Thảo	CQ54/08.01	6.0			7.3		6.6	2.5
18	Trần Hà Vân	CQ54/08.01	5.3	5.6	5.2	4.9		5.2	1.5
19	Hoàng Nguyễn Tuấn Anh	CQ54/08.02	6.7	6.3	6.3	0.0		4.8	1.5
20	Nguyễn Thị Hiệu	CQ54/08.02	4.5	7.7				6.1	2.0
21	Bùi Thị Lâm Oanh	CQ54/08.02	4.3	3.2	5.6	7.7		5.2	1.5
22	Chu Ích Định	CQ54/08.03	6.0	4.6	6.6	2.1		4.8	1.5
23	Đỗ Phương Trà My	CQ54/08.03	8.0	4.9				6.4	2.5
24	Phạm Thị Trà My	CQ54/08.03		5.0				5.0	1.5
25	Hoàng Anh Thắng	CQ54/08.04	1.8	0.0	3.9	0.0		1.4	0.0
26	Đoàn Thị Đức	CQ54/11.02	5.1	4.2		7.3		5.5	2.0
27	Lê Thị Mỹ Hạnh	CQ54/11.04	5.6	3.0	2.1	0.0		2.7	0.0
28	Nguyễn Sinh Huy	CQ54/11.04	6.6		2.1	0.0		2.9	0.0
29	Phạm Gia Huy	CQ54/11.04	5.2	2.4		4.6		4.1	1.0
30	Lưu Hoàng Long	CQ54/11.05	6.0	0.0		0.0		2.0	0.0
31	Nguyễn Như Phượng	CQ54/11.05	7.0	7.4	2.4	7.7		6.1	2.0
32	Nguyễn Mạnh Dũng	CQ54/11.06	7.1	6.1	1.8	4.6		4.9	1.5
33	Nguyễn Thị Khánh Linh	CQ54/11.06	4.9	6.6	5.6			5.7	2.0

TT	Họ và tên	Tên lớp	Giáo dục thể chất 1 (1 tc)	Giáo dục thể chất 2 (1 tc)	Giáo dục thể chất 3 (1 tc)	Giáo dục thể chất 4 (TDDC) (1 tc)	Giáo dục thể chất 5 (Bơi lội) (1 tc)	Điểm TB thang 10	Điểm TB thang 4
34	Tạ Ngọc Luân	CQ54/11.09	7.4	6.6	7.6	0.0		5.4	1.5
35	Nguyễn Hoàng Sơn	CQ54/11.10	5.6	7.0	8.0	0.0		5.2	1.5
36	Đỗ Thị Phương Thảo	CQ54/11.10	5.2	7.0	4.2			5.5	2.0
37	Nguyễn Tùng Dương	CQ54/11.14	7.7	5.6	7.0			6.8	2.5
38	Phạm Đức Hoàng Anh	CQ54/11.15	6.6	2.5	6.7	7.7		5.9	2.0
39	Trương Mạnh Hùng	CQ54/11.16	7.4	7.0	7.3	0.0		5.4	1.5
40	Nguyễn Thị Là	CQ54/11.16	6.3	7.7	5.9			6.6	2.5
41	Đặng Thanh Thư	CQ54/11.16	5.6	4.6	0.0	6.1		4.1	1.0
42	Lý Cao Thiên	CQ54/11CL.01	0.0	5.2	6.3	5.7		4.3	1.0
43	Trần Lâm Phương	CQ54/11CL.02	4.9	6.6	0.0	0.0		2.9	0.0
44	Lèng Thùy Linh	CQ54/15.01	4.2	5.3	4.4		6.7	5.2	1.5
45	Nguyễn Việt Hoàng	CQ54/15.02	5.3	1.2				3.2	0.0
46	Nguyễn Sơn Lâm	CQ54/15.03	7.7	5.9	0.0		5.7	4.8	1.5
47	Kiều Thị Mai Chi	CQ54/15.04	0.0	7.3	5.6		8.0	5.2	1.5
48	Lê Đoàn Tiến Thắng	CQ54/15.04	6.3		6.3		5.6	6.1	2.0
49	Lê Thái An	CQ54/15.05	7.1	7.0	5.6			6.6	2.5
50	Nguyễn Bùi Phương Thảo	CQ54/15.05	6.0	7.7	0.0		0.0	3.4	0.0
51	Nông Thị Minh Châu	CQ54/15.06	8.1		1.8		6.0	5.3	1.5
52	Trần Đình Hoàng	CQ54/15.06	7.4	7.7	0.0		8.0	5.8	2.0
53	Hoàng Ngọc Duy	CQ54/15.07	7.7	4.5	5.9		1.5	4.9	1.5
54	Nguyễn Văn Quang	CQ54/15.07	6.4	0.0			5.9	4.1	1.0
55	Nguyễn Tiến Hải	CQ54/15.08	6.7	6.6	0.0		5.7	4.8	1.5
56	Lê Thuỳ Dương	CQ54/16.01	5.3	5.3	2.4		0.0	3.2	0.0
57	Nguyễn Hoàng Anh	CQ54/18.01	0.0	0.0	0.6	0.0		0.2	0.0
58	Vũ Đức Anh	CQ54/18.01	7.0		4.8	6.1		6.0	2.0
59	Đặng Quỳnh Chi	CQ54/18.02	7.7	7.1	1.8	1.8		4.6	1.0
60	Đào Lương Hải Anh	CQ54/19.01	7.0	5.6	5.3	2.1		5.0	1.5
61	Trương Đức Anh	CQ54/19.02	7.7	4.2		0.0		4.0	1.0
62	Đỗ Thu Hằng	CQ54/19.02	0.0	5.6	0.0	0.0		1.4	0.0
63	Nguyễn Hoàng Sơn Lâm	CQ54/19.02	7.1	6.3	4.3	0.0		4.4	1.0
64	Tăng Ngọc Quỳnh	CQ54/21.04	6.3	6.0	7.0			6.4	2.5
65	Tạ Thị Ánh	CQ54/21.05	5.7	5.5	6.9	2.9		5.2	1.5
66	Hoàng Thái Hà	CQ54/21.12	6.3	6.4				6.4	2.5
67	Nguyễn Mỹ Hạnh	CQ54/21.12	5.6	6.3	0.0	0.0		3.0	0.0
68	Mai Thị Mỹ Duyên	CQ54/21.13	7.0		3.5			5.2	1.5
69	Lê Thùy Trang	CQ54/21.14	6.3	6.7	5.6			6.2	2.0
70	Phạm Thị Dung	CQ54/21.17	6.3	6.3	6.6			6.4	2.5

TT	Họ và tên	Tên lớp	Giáo dục thể chất 1 (1 tc)	Giáo dục thể chất 2 (1 tc)	Giáo dục thể chất 3 (1 tc)	Giáo dục thể chất 4 (TDDC) (1 tc)	Giáo dục thể chất 5 (Bơi lội) (1 tc)	Điểm TB thang 10	Điểm TB thang 4
71	Nghiêm Thị Hiền	CQ54/21.17	6.6	7.7		7.0		7.1	3.0
72	Cao Thị Ngọc Mai	CQ54/21.17	4.3	8.0	6.6	0.0		4.7	1.0
73	Bùi Linh Chi	CQ54/21.19	5.6	4.2	4.2	7.3		5.3	1.5
74	Nguyễn Hương Giang	CQ54/21CL.01	4.9	6.0	5.6			5.5	2.0
75	Nguyễn Quốc Thịnh	CQ54/21CL.01	7.0	6.7	5.7		0.0	4.8	1.5
76	Nguyễn Minh Anh	CQ54/21CL.02	5.4	6.6	0.0			4.0	1.0
77	Lê Tất Thắng	CQ54/22.04	7.0	0.0	7.7		0.0	3.7	0.0
78	Trịnh Hoài Thương	CQ54/22.07	7.1	4.9	7.3		0.0	4.8	1.5
79	Nguyễn Tiến Thắng	CQ54/22.08	3.7	7.3			6.4	5.8	2.0
80	Nguyễn Trâm Anh	CQ54/22.09	6.3	7.4	2.1		0.0	4.0	1.0
81	Nguyễn Thị Quỳnh Như	CQ54/22.09	6.7	0.0	1.5		6.6	3.7	0.0
82	Vũ Lê Anh Thư	CQ54/22.09	6.7	1.8			0.0	2.8	0.0
83	Hồ Mỹ Linh	CQ54/22.10	4.7	5.4	4.3		0.0	3.6	0.0
84	Vũ Đăng Thái Đức	CQ54/23.02	5.7	6.7	3.6		2.9	4.7	1.0
85	Trần Thị Hạnh	CQ54/23.02	5.2	6.3	1.8		5.7	4.8	1.5
86	Bùi Minh Hoàng	CQ54/23.02	6.3	6.7	6.4		0.0	4.8	1.5
87	Nguyễn Thị Mai An	CQ54/23.03	6.3	5.3	0.0		1.5	3.3	0.0
88	Vũ Thị Hương Giang	CQ54/23.03	6.3	6.4	5.9	0.0	8.0	5.3	1.5
89	Nguyễn Ngọc Anh	CQ54/23.04	4.5	5.0	4.6		5.7	5.0	1.5
90	Dương Minh Đạt	CQ54/23.04	5.3	5.2	6.0		4.3	5.2	1.5
91	Kiều Văn Công	CQ54/31.01	5.4					5.4	1.5
92	Mai Đức Hiếu	CQ54/31.02	5.0	1.6		6.2		4.3	1.0
93	Bùi Vinh Quang	CQ54/31.03	6.8	2.1	6.7	0.0		3.9	0.0
94	Lê Hoàng Minh Đức	CQ54/31.04	7.3	5.9	3.5	7.1		5.9	2.0
95	Nguyễn Tùng Lâm	CQ54/31.04	7.7	3.2	4.5	7.0		5.6	2.0
96	Lương Đình Trung	CQ54/31.04	6.6	1.6	5.5	7.4		5.3	1.5
97	Lê Thị Khánh Huyền	CQ54/32.01	6.8		5.0		8.3	6.7	2.5
98	Vũ Thị Thanh Phương	CQ54/32.01	5.8	0.0	7.0		8.0	5.2	1.5
99	Lê Ngọc Anh	CQ54/32.02	7.0	5.3	6.0			6.1	2.0
100	Lâm Thị Lan Hương	CQ54/32.03	5.3	4.3	4.3		6.7	5.1	1.5
101	Vũ Thế Dũng	CQ54/41.01	3.9	5.1		3.4		4.1	1.0
102	Nguyễn Xuân Thu	CQ54/41.01	7.7	0.0	6.3	4.0		4.5	1.0
103	Lê Khánh Toàn	CQ54/41.01	5.6	1.6	5.2	0.0		3.1	0.0
104	Lê Hương Thảo	CQ54/41.02	6.7	7.0	2.9	2.4		4.7	1.0
105	Phạm Việt Trung	CQ54/41.04	6.8	4.5	7.0	3.5		5.4	1.5
106	Phạm Mai Hải Đăng	CQ54/51.03	5.7	0.0	6.3		0.0	3.0	0.0
107	Nguyễn Hoàng Long	CQ54/51.03	7.1	1.8	2.1		0.0	2.8	0.0

TT	Họ và tên	Tên lớp	Giáo dục thể chất 1 (1 tc)	Giáo dục thể chất 2 (1 tc)	Giáo dục thể chất 3 (1 tc)	Giáo dục thể chất 4 (TDDC) (1 tc)	Giáo dục thể chất 5 (Bơi lội) (1 tc)	Điểm TB thang 10	Điểm TB thang 4
108	Nguyễn Thị Thu Hương	CQ54/51.04	6.3	6.3				6.3	2.5
109	Trần Thị Thúy	CQ54/51.05	6.4	7.0			7.4	6.9	2.5
110	Nguyễn Thị Vân	CQ54/51.06	5.4	0.9	0.0		7.7	3.5	0.0
111	Trần Nam Dương	CQ54/61.02	6.0	0.0	5.9	5.6		4.4	1.0
112	Trần Hùng Sơn	CQ54/61.02	4.7	5.3	5.9	4.3		5.0	1.5
113	Nguyễn Thị Thu	CQ54/62.01	6.1	0.0				3.0	0.0
114	Trương Thị Quỳnh Nga	CQ54/62.03	0.0	0.0		7.7		2.6	0.0